

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 – ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/KDTM-ST

Ngày: 23-9-2025

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Lê Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đào Thị Ngâm và ông Huỳnh Khắc Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Đức Duy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trương Đức Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2024/TLST-KDTM ngày 05 tháng 11 năm 2024, về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐXXST-KDTM, ngày 12/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2025/QĐST-KDTM, ngày 04/9/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (viết tắt: V1); Địa chỉ liên hệ: Tầng A, Tòa nhà A, số I C, Phường D, Quận C, TP. (nay là phường B, TP.).

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Đinh Văn P – Cán bộ xử lý nợ; Địa chỉ liên hệ: H M, phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định (nay là phường Q, tỉnh Gia Lai). Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH Đ (viết tắt: Công ty Đ); Địa chỉ: C N, Phường I, thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk). *Người đại diện theo pháp luật của bị đơn:* Ông Nguyễn Nhật T – Giám đốc. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Lê Thiên T1, sinh năm: 1987; Địa chỉ liên hệ: C N, Phường I, thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk). Vắng mặt.

2/ Ông Hà Minh T2, sinh năm: 1977; Địa chỉ liên hệ: C T, Phường F, thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Công ty TNHH Đ vay vốn của V1 theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: PYN/22011 ký ngày 14/12/2022 và Hợp đồng cho vay số: PYN/23004 ký ngày 18/01/2023 và các khế ước nhận nợ, văn bản có liên quan, cụ thể:

Hợp đồng cho vay hạn mức số PYN/22011, ngày 14/12/2022: V1 đã giải ngân số tiền tổng cộng là 1.275.000.000 đồng; theo 02 Khế ước nhận nợ: số 131223-9836563-ONL-3 ngày 13/12/2023, số tiền 600.000.000 đồng và Khế ước nhận nợ số 140123-9836563-ONL-4 ngày 14/01/2023, số tiền 675.000.000 đồng; thời hạn vay: 06 tháng; lãi suất vay: Tại thời điểm giải ngân là 10.3%/năm; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xây dựng và thương mại, dịch vụ.

Hợp đồng cho vay số PYN/23004 ngày 18/01/2023: V1 đã giải ngân số tiền 768.000.000 đồng tại Khế ước nhận nợ số 190123-9836563-ONL-1 ngày 19/01/2023; thời hạn vay: 72 tháng; lãi suất vay: Tại thời điểm giải ngân là 13.5%/năm; mục đích vay: Thanh toán hoàn vốn 01 ô tô nhãn hiệu Vinfast VF8, phiên bản eco, mới 100% màu đỏ ngoại thất.

T4 đã giải ngân cho Công ty Đ số tiền 2.043.000.000 đồng.

Để bảo đảm cho khoản vay trên, V1 và các bên đã thống nhất áp dụng các biện pháp bảo đảm sau: Thế chấp tài sản là 01 xe ô tô nhãn hiệu MERCEDES, số loại E 300 AMG, biển số 78A-094.12, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 78008804 do Phòng C Công an tỉnh P cấp ngày 31/08/2022, theo Hợp đồng thế chấp số: PYN/22011/HDTC ngày 14/12/2022 giữa Công ty TNHH Đ và V1 Chi nhánh P1, công chứng tại Văn phòng C1 ngày 14/12/2022, Sổ công chứng 2936, quyền số 12/2022 TP/CC-SCC/HĐGD và 01 xe ô tô nhãn hiệu VINFAST, số loại VF8 ECO, biển số: 78A-158.74, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 78009718 do Phòng C Công an tỉnh P cấp ngày 17/01/2023, theo Hợp đồng thế chấp số: PYN/23004/HDTC ký ngày 18/01/2023 giữa Công ty TNHH Đ và V1 Chi nhánh P1.

Bảo lãnh của cá nhân ông Lê Thiên T1 theo Hợp đồng bảo lãnh số PYN/22011/HĐBL ngày 14/12/2022 và số PYN/23004/BLCN ngày 18/01/2023.

Trong quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng tại V1, Công ty Đ đã thanh toán được tổng cộng là: 303.675.215 đồng; trong đó: thanh toán nợ gốc 159.999.990 đồng và thanh toán nợ lãi 143.675.225 đồng.

Do Công ty Đ không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nợ theo hợp đồng, V1 đã nhiều lần liên hệ và làm việc với Công ty Đ để yêu cầu hoàn trả nợ vay nhưng Công ty Đ vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ và cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng nên toàn

bộ khoản vay đã bị chuyển sang nợ quá hạn. Thời điểm chuyển nợ quá hạn là ngày 15/4/2024. Tạm tính đến hết ngày 08/8/2025, dư nợ của Công ty Đ tại V1 tổng cộng là: 2.249.110.102 đồng; trong đó: gốc là 1.883.000.010 đồng và lãi là 365.292.412 đồng, phạt chậm trả là 817.680.000 đồng. V1 đề nghị Tòa tuyên buộc:

1/ Công ty TNHH Đ phải trả một lần cho V1 tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến hết ngày 08/8/2025, tổng cộng là: 2.249.110.102 đồng; trong đó: gốc là 1.883.000.010 đồng và lãi là 365.292.412 đồng, phạt chậm trả là 817.680 đồng. Ngoài ra, kể từ tiếp theo (ngày 09/8/2025), Công ty Đ vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho V1.

2/ Trường hợp Công ty Đ không thanh toán theo yêu cầu của khoản 1 nêu trên, V1 có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi khoản nợ cho V1, đối với các tài sản thế chấp như sau: 01 xe ô tô nhãn hiệu MERCEDES, số loại E 300 AMG, biển số: 78A-094.12, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 78008804 do Phòng C Công an tỉnh P cấp ngày 31/08/2022 và 01 xe ô tô nhãn hiệu VINFAST, số loại VF8 ECO, biển số: 78A-158.74, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 78009718 do Phòng C Công an tỉnh P cấp ngày 17/01/2023.

3/ Trường hợp xử lý tài sản thế chấp nêu trên không đủ để thanh toán nợ cho V1 thì ông Lê Thiên T1 phải có nghĩa vụ thanh toán nợ cho V1 theo Hợp đồng bảo lãnh số PYN/22011/HĐBL ngày 14/12/2022 và Hợp đồng bảo lãnh số PYN/23004/BLCN ngày 18/01/2023 đã ký.

** Bị đơn Công ty TNHH Đ vắng mặt, không có trình bày.*

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Thiên T1 trình bày:* Tại thời điểm Công ty TNHH Đ ký vay của V1 thì tôi là người đại diện theo pháp luật của Công ty xác nhận có ký vay các hợp đồng tín dụng như Ngân hàng trình bày và hiện Công ty Đ có nợ Ngân hàng các khoản như Ngân hàng trình bày. Tuy nhiên, hiện nay Công ty Đ đã đăng ký thay đổi, tôi đã chuyển thông tin chủ sở hữu và người đại diện theo pháp luật của Công ty qua ông Nguyễn Nhật T, sinh năm: 1987; Địa chỉ: khu phố N, Phường E, thành phố T, Phú Yên; nên tôi không còn tư cách đại diện cho Công ty Đ. Hiện các tài sản thế chấp của Công ty Đ đang do ông Hà Minh T2 quản lý sử dụng.

Tại thời điểm Công ty Đ ký vay, tôi có đứng ra ký bảo lãnh cho Công ty Đ như V1 trình bày theo Hợp đồng bảo lãnh số PYN/22011/HĐBL ngày 14/12/2022 và Hợp đồng bảo lãnh số PYN/23004/BLCN ngày 18/01/2023. Nay V1 khởi kiện yêu cầu Công ty Đ trả nợ, tôi không có ý kiến gì. Trường hợp Công ty Đ không trả được nợ và Ngân hàng có yêu cầu thì tôi chấp nhận thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty số nợ còn lại theo Hợp đồng bảo lãnh số PYN/22011/HĐBL ngày 14/12/2022 và số PYN/23004/BLCN ngày 18/01/2023.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hà Minh T2 trình bày:* Các tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu MERCEDES, số loại E 300 AMG, biển số 78A-094.12 và 01 xe ô tô nhãn hiệu VINFAST, số loại VF8 ECO, biển số:

78A-158.74, mà Công ty Đ dùng thế chấp cho các khoản vay của Công ty Đ tại V1 thì hiện tôi là người đang quản lý, sử dụng. Khi Tòa giải quyết tôi thống nhất giao các xe này lại cho Ngân hàng xử lý theo quy định pháp luật.

Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk đã tiến hành hòa giải nhưng không được.

** Tại phiên tòa:*

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn V1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa giải quyết buộc bị đơn Công ty TNHH Đ phải trả một lần cho V1 tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 23/9/2025, tổng cộng là: 2.281.653.955 đồng; trong đó: gốc là 1.883.000.010 đồng, lãi là 397.760.652 đồng, phạt chậm trả là 893.239 đồng và lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng đã ký. Trường hợp Công ty Đ không thanh toán được thì V1 có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ đối với các tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu MERCEDES, số loại E 300 AMG, biển số: 78A-094.12 và 01 xe ô tô nhãn hiệu VINFAST, số loại VF8 ECO, biển số: 78A- 158.74. Trường hợp xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán nợ cho V1 thì ông Lê Thiên T1 phải có nghĩa vụ thanh toán nợ cho V1 theo Hợp đồng bảo lãnh số PYN/22011/HĐBL ngày 14/12/2022 và Hợp đồng bảo lãnh số PYN/23004/BLCN ngày 18/01/2023 đã ký.

Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 11 – Đắk Lắk phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 4 Luật thương mại, các Điều 299, 317, 323, 335, 336, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V về việc buộc Công ty TNHH Đ phải thanh toán tổng số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 1.883.000.010 đồng tiền gốc và các khoản nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn và tiền phạt chậm trả theo các hợp đồng tín dụng số PYN/22011 ngày 14/12/2022 và số PYN/23004 ngày 18/01/2023 đã ký kết giữa các đương sự. Trong trường hợp Công ty TNHH Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ nêu trên thì V1 có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại các tài sản bảo đảm sau để thu hồi nợ theo các hợp đồng thế chấp tài sản số PYN/22011/HDTC ngày 14/12/2022 và PYN/23004/HDTC ngày 18/01/2023, đối với các tài sản bảo đảm gồm: 01 xe ô tô nhãn hiệu MERCEDES, số loại E 300 AMG, biển số: 78A- 094.12 và 01 xe ô tô nhãn hiệu VINFAST, số loại VF8 ECO, biển số: 78A-158.74. Trong trường hợp sau khi xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm nêu trên mà số tiền thu được vẫn không đủ để thanh toán hết khoản nợ cho V1, buộc ông Lê Thiên T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho V1 toàn bộ số tiền nợ còn lại theo hợp đồng bảo lãnh số PYN/22011/HĐBL ngày 14/12/2022 và

hợp đồng bảo lãnh số PYN/23004/BLCN ngày 18/01/2023. Về án phí và chi phí tố tụng: bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt, không có ý kiến trình bày. Tuy nhiên, căn cứ vào các hợp đồng tín dụng do nguyên đơn cung cấp và lời trình bày của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Thiên T1 (người đại diện theo pháp luật trước đây của Công ty Đ) có cơ sở xác định: Giữa Ngân hàng TMCP V và Công ty TNHH Đ có ký các Hợp đồng tín dụng sau:

1/ Hợp đồng cho vay hạn mức số PYN/22011, ngày 14/12/2022: V1 đã giải ngân cho Công ty Đ số tiền tổng cộng là 1.275.000.000 đồng; theo 02 Khế ước nhận nợ: Khế ước nhận nợ số 131223-9836563-ONL-3 ngày 13/12/2023, vay số tiền 600.000.000 đồng và Khế ước nhận nợ số 140123-9836563-ONL-4 ngày 14/01/2023, vay số tiền 675.000.000 đồng; thời hạn vay: 06 tháng; lãi suất vay: Tại thời điểm giải ngân là 10.3%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xây dựng và thương mại, dịch vụ.

2/ Hợp đồng cho vay số PYN/23004 ngày 18/01/2023: V1 đã giải ngân cho Công ty Đ số tiền 768.000.000 đồng tại Khế ước nhận nợ số 190123-9836563-ONL-1 ngày 19/01/2023; thời hạn vay: 72 tháng; lãi suất vay: Tại thời điểm giải ngân là 13.5%/năm; mục đích vay: Thanh toán hoàn vốn 01 ô tô nhãn hiệu Vinfast VF8, phiên bản eco, mới 100% màu đỏ ngoại thất.

Tổng cộng, V1 đã giải ngân cho Công ty Đ theo các hợp đồng tín dụng đã ký số tiền là: 2.043.000.000 đồng.

[3] Các bên thỏa thuận về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và lãi suất chậm trả theo mức lãi suất như trong các Hợp đồng cho vay, Khế ước nhận nợ là đúng pháp luật, phù hợp với quy định của Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015. Các Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng TMCP V và Công ty TNHH Đ đảm bảo hình thức và nội dung đúng quy định pháp luật, thể hiện được ý chí tự nguyện thỏa thuận

của các bên nên các hợp đồng tín dụng đã ký kết phát sinh hiệu lực, buộc các bên phải thực hiện.

[4] Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng, bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi khi đến hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ là có căn cứ nên chấp nhận. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 23/9/2025, bị đơn còn nợ Ngân hàng TMCP V theo các khoản sau:

1/ Hợp đồng cho vay hạn mức số: PYN/22011 ngày 14/12/2022, nợ tổng cộng là 1.513.699.122 đồng, trong đó: nợ gốc là 1.275.000.000 đồng, nợ lãi là 237.805.829 đồng và phạt chậm trả là 893.293 đồng; cụ thể:

- Khế ước nhận nợ: Số 131223-9836563-ONL-3 ngày 13/12/2023: nợ gốc 600.000.000 đồng, nợ lãi 114.556.744 đồng, phạt chậm trả là 441.764 đồng; tổng cộng: 714.998.508 đồng.

- Khế ước nhận nợ số 140123-9836563-ONL-4 ngày 14/01/2023: nợ gốc 675.000.000 đồng; nợ lãi 123.249.085 đồng, phạt chậm trả là 451.529 đồng; tổng cộng: 798.700.614 đồng.

2/ Hợp đồng cho vay số: PYN/23004, ngày 18/01/2023, tại Khế ước nhận nợ số 190123-9836563-ONL-1 ngày 19/01/2023: nợ tổng cộng là 767.954.833 đồng; trong đó: nợ gốc là 608.000.010 đồng; lãi là 159.954.823 đồng.

[5] Như vậy, tổng cộng bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là 2.281.653.955 đồng; trong đó: nợ gốc là 1.883.000.010 đồng; nợ lãi là 397.760.652 đồng; phạt chậm trả là 893.293 đồng. Bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn nợ trên và lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết.

[6] Xét yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm, thấy: Các khoản vay của bị đơn tại V1 được bảo đảm theo các hợp đồng thế chấp đã ký kết bằng các tài sản sau:

- 01 xe ô tô nhãn hiệu MERCEDES, số loại E 300 AMG, biển số 78A-094.12, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 78008804 do Phòng C Công an tỉnh P cấp ngày 31/08/2022 cho Công ty TNHH Đ; theo Hợp đồng thế chấp số: PYN/22011/HDTTC ngày 14/12/2022, được công chứng tại Văn phòng C1 ngày 14/12/2022, Số công chứng 2936, quyển số 12/2022 TP/CC-SCC/HĐGD; đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 15/12/2022 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Đà Nẵng.

- 01 xe ô tô nhãn hiệu VINFAST, số loại VF8 ECO, biển số 78A-158.74, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 78009718 do Phòng C Công an tỉnh P cấp ngày 17/01/2023 cho Công ty TNHH Đ; theo Hợp đồng thế chấp số: PYN/23004/HDTTC, ngày 18/01/2023; đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 18/01/2023 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Đà Nẵng.

[7] Việc thế chấp các tài sản này đều được lập thành văn bản, có công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định tại các Điều 298, 317, 318, 319 của Bộ luật dân sự năm 2015; các bên không ai có ý kiến gì nên các

hợp đồng thế chấp đã ký kết trên phát sinh hiệu lực, buộc các bên phải thi hành. Do đó, nguyên đơn yêu cầu xử lý các tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo như các hợp đồng thế chấp đã ký kết trong trường hợp bị đơn không trả được nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 299, Điều 323 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên chấp nhận.

[8] Tuy nhiên, hiện 02 xe ô tô là tài sản thế chấp đang do ông Hà Minh T2 quản lý, sử dụng; ông T2 cũng thừa nhận đang quản lý, sử dụng 02 xe ô tô này. Việc Công ty Đ đưa xe cho ông T2 sử dụng là thỏa thuận riêng giữa hai bên và không được Ngân hàng đồng ý. Theo quy định tại khoản 3 Điều 34 Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 quy định thi hành Bộ luật dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thì *“Trường hợp biện pháp thế chấp đã phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba mà bên thế chấp dùng tài sản thế chấp để cho thuê, cho mượn nhưng không thông báo cho bên nhận thế chấp biết thì hợp đồng thuê, hợp đồng mượn chấm dứt tại thời điểm xử lý tài sản thế chấp. Quyền, nghĩa vụ giữa bên thế chấp và bên thuê, bên mượn được giải quyết theo thỏa thuận trong hợp đồng thuê tài sản, hợp đồng mượn tài sản, quy định của Bộ luật Dân sự và pháp luật khác liên quan”* và theo quy định tại Điều 301 của Bộ luật dân sự năm 2015, thì *“Người đang giữ tài sản bảo đảm có nghĩa vụ giao tài sản bảo đảm cho bên nhận bảo đảm để xử lý khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 299 của Bộ luật này”*. Do đó, trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Hà Minh T2 phải giao xe cho nguyên đơn để xử lý khi nguyên đơn có đơn yêu cầu xử lý tài sản thế chấp. Mọi tranh chấp phát sinh giữa ông Hà Minh T2 và Công ty Đ sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[9] Xét yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh: Căn cứ vào các Hợp đồng bảo lãnh số PYN/22011/HĐBL, ngày 14/12/2022 và Hợp đồng bảo lãnh số PYN/23004/BLCN ngày 18/01/2023, thì ông Lê Thiên T1 được xác định là bên bảo lãnh cho Công ty TNHH Đ theo quy định tại Điều 335, 336 của Bộ luật dân sự năm 2015; theo đó, ông T1 cam kết với V1 sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho Công ty Đ khi Công ty Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo các văn kiện tín dụng đã xác lập với bên Ngân hàng. Nghĩa vụ trả nợ hai bên thỏa thuận là toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai, bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại, các khoản phải trả và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty Đ đối với Ngân hàng phát sinh từ tất cả các văn kiện tín dụng. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bị đơn khi đến thời hạn mà bị đơn không trả hoặc trả không đầy đủ theo quy định tại Điều 339, 342 của Bộ luật dân sự.

[10] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bị đơn phải chịu 1.000.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng nên bị đơn phải hoàn lại cho nguyên đơn 1.000.000 đồng.

[11] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, 35, 39, 147, 157, 158, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 4 của Luật Thương mại năm 2005;

Áp dụng các Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng các Điều 297, 298, 299, 301, 317, 318, 319, 323, 324, 335, 336, 339, 342, 463 và 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 22, 23, 34, 49 của Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V.

1. Buộc bị đơn Công ty TNHH Đ phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP V số tiền vay còn nợ tính đến ngày 23/9/2025 (theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: PYN/22011 ngày 14/12/2022, Khế ước nhận nợ: Số 131223-9836563-ONL-3 ngày 13/12/2023, Khế ước nhận nợ số 140123-9836563-ONL-4 ngày 14/01/2023; Hợp đồng cho vay số: PYN/23004 ngày 18/01/2023, Khế ước nhận nợ số 190123-9836563-ONL-1 ngày 19/01/2023) tổng cộng là 2.281.653.955 đồng (*Hai tỷ, hai trăm tám mươi một triệu, sáu trăm năm mươi ba nghìn, chín trăm năm mươi lăm đồng*); trong đó: nợ gốc là 1.883.000.010 đồng (*Một tỷ, tám trăm tám mươi ba triệu, không trăm mười đồng*); nợ lãi là 397.760.652 đồng (*Ba trăm chín mươi bảy triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn, sáu trăm năm mươi hai đồng*) và phạt chậm trả là 893.293 đồng (*T3 trăm chín mươi ba nghìn, hai trăm chín mươi ba đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay hạn mức số: PYN/22011 ngày 14/12/2022, Khế ước nhận nợ số 131223-9836563-ONL-3 ngày 13/12/2023, Khế ước nhận nợ số 140123-9836563-ONL-4 ngày 14/01/2023; Hợp đồng cho vay số: PYN/23004 ngày 18/01/2023, Khế ước nhận nợ số 190123-9836563-ONL-1 ngày 19/01/2023.

2. Trường hợp bị đơn không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì nguyên đơn được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý các tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo như các hợp đồng thế chấp đã ký kết, gồm:

- 01 (Một) xe ô tô nhãn hiệu MERCEDES, số loại E 300 AMG, biển số: 78A-094.12, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 78008804 do Phòng C Công an tỉnh P cấp ngày 31/08/2022 cho Công ty TNHH Đ; theo Hợp đồng thế chấp

số: PYN/22011/HDTC ngày 14/12/2022; đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 15/12/2022 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Đà Nẵng.

- 01 (Một) xe ô tô nhãn hiệu VINFAST, số loại VF8 ECO, biển số: 78A-158.74, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 78009718 do Phòng C Công an tỉnh P cấp ngày 17/01/2023 cho Công ty TNHH Đ; theo Hợp đồng thế chấp Số: PYN/23004/HDTC ngày 18/01/2023; đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 19/01/2023 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Đà Nẵng.

3. Buộc ông Hà Minh T2 phải có trách nhiệm giao lại cho Ngân hàng TMCP V khi Ngân hàng TMCP V có đơn yêu cầu xử lý tài sản thế chấp đối với: 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu MERCEDES, số loại E 300 AMG, biển số: 78A-094.12, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 78008804 do Phòng C Công an tỉnh P cấp ngày 31/08/2022 cho Công ty TNHH Đ và 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu VINFAST, số loại VF8 ECO, biển số: 78A-158.74, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 78009718 do Phòng C Công an tỉnh P cấp ngày 17/01/2023 cho Công ty TNHH Đ.

4. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và nguyên đơn có đơn yêu cầu, nếu bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì bên bảo lãnh là ông Lê Thiên T1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bị đơn số nợ còn lại theo như Hợp đồng bảo lãnh số PYN/22011/HĐBL, ngày 14/12/2022 và Hợp đồng bảo lãnh số PYN/23004/BLCN, ngày 18/01/2023.

5. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bị đơn phải chịu 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Nguyên đơn đã nộp tạm ứng nên bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

6. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là 77.633.000 đồng (Bảy mươi bảy triệu, sáu trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP V số tiền 36.190.000 đồng (Ba mươi sáu triệu, một trăm chín mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0002968, ngày 04/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 – Đắc Lắc).

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND KV11- Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Lê Mai

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Khắc Hiếu Đào Thị N

Trần Lê M

